

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

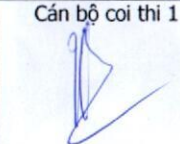
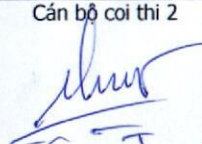
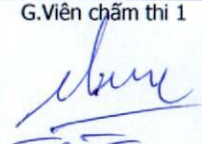
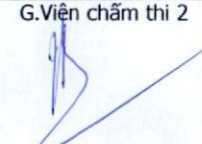
Môn học: **Thực tập điện cơ bản (228299) - Nhóm 03**

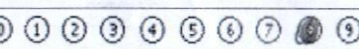
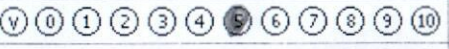
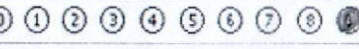
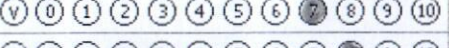
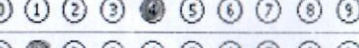
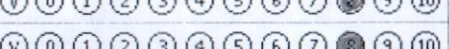
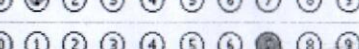
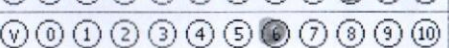
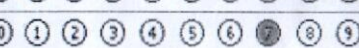
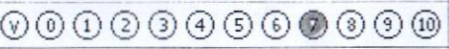
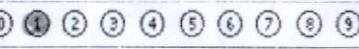
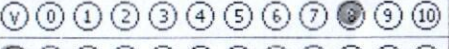
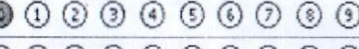
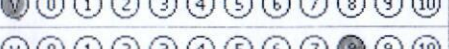
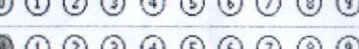
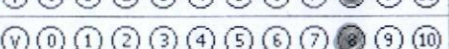
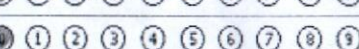
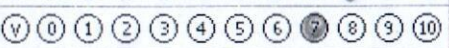
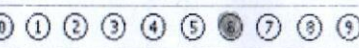
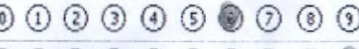
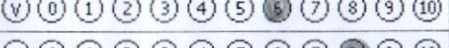
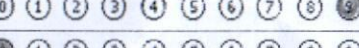
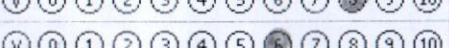
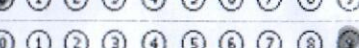
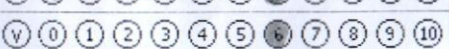
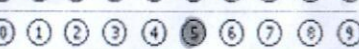
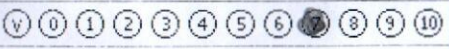
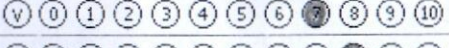
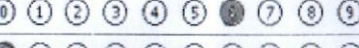
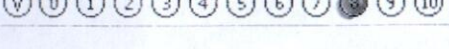
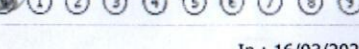
CBGD: **Ngô Đình Khôi (280016)**

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
Ngô Đình Khôi	Trần Văn Thuận	Trần Văn Thuận	Ngô Đình Khôi

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121050058	PHẠM TIẾN CƯỜNG	21/01/2003	CCQ2105B				8,3	7,5	7,8		
2	2121050050	NGUYỄN ANH DƯƠNG	27/06/2001	CCQ2105B				7,3	5,0	5,9		
3	2118050076	VĂN THÀNH ĐẠT	08/07/2000	CCQ1805B				7,3	7,5	7,4		
4	2121050041	NGUYỄN ĐỨC	20/04/2003	CCQ2105B				8,2	8,0	8,1		
5	2121050071	PHAN MINH ĐỨC	27/05/2003	CCQ2105B				8,7	8,7	8,7		
6	2121050057	HÒA NGỌC HẢI	22/02/2002	CCQ2105B				6,1	7,1	6,7		
7	2121050049	ĐÀO TẤN HIỂN	27/09/2003	CCQ2105B				7,7	6,8	7,1		
8	2121050078	NGUYỄN TRUNG HIẾU	17/11/2002	CCQ2105B				8,6	7,7	8,0		
9	2121050074	ĐỖ MẠNH HÙNG	08/04/2003	CCQ2105B								
10	2121050038	NGUYỄN HOÀNG HY	13/07/2003	CCQ2105B				8,5	7,7	8,0		
11	2121050042	HỨA HOÀNG KHANG	16/12/2003	CCQ2105B				8,4	7,7	8,0		
12	2121050043	CHÂU QUỐC KHÁNH	02/09/2003	CCQ2105B				8,2	7,2	7,6		
13	2121050061	NGUYỄN HUỲNH ĐĂNG KHÁNH	05/12/2003	CCQ2105B				8,1	7,2	7,6		
14	2121050062	NGUYỄN TỰ LẬP	10/08/2003	CCQ2105B				6,7	7,0	6,9		
15	2121050056	NGUYỄN HOÀI LINH	09/07/2003	CCQ2105B				8,0	7,9	8,0		
16	2121050047	TRƯƠNG THÀNH LINH	27/05/2000	CCQ2105B				7,6	6,5	6,9		
17	2121050055	NGUYỄN VĂN LƯU	19/04/2003	CCQ2105B				6,5	6,5	6,5		
18	2121050051	NGUYỄN GIA MÃN	30/10/2003	CCQ2105B				6,9	7,7	7,4		
19	2121050065	TRỊNH VĂN MINH	17/10/2003	CCQ2105B				8,2	7,2	7,6		
20	2121050076	NGUYỄN HOÀI NAM	10/07/2003	CCQ2105B				7,2	8,5	8,0		